

A. LÝ THUYẾT

- Tập hợp, tập hợp các số tự nhiên.
- Các phép tính trong tập hợp số tự nhiên và thứ tự tính toán.
- Dấu hiệu chia hết cho 2,5,3,9. Số nguyên tố, hợp số.
- Phân tích một số ra thừa số nguyên tố, ƯC, ƯCLN, BC, BCNN.
- Tập hợp các số nguyên.
- Phép cộng, trừ các số nguyên. Quy tắc dấu ngoặc.
- Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều; hình chữ nhật, hình thoi; hình bình hành; hình thang cân; hình có trục đối xứng; hình có tâm đối xứng.

B. BÀI TẬP

I. Trắc nghiệm

Câu 1. Cho tập hợp $M = \{12;13;15;17\}$. Cách viết nào sau đây là đúng?

- A. $11 \notin M$. B. $12;13 \in M$. C. $17 \notin M$. D. $16 \in M$.

Câu 2. Tập hợp nào sau đây chỉ gồm các hợp số ?

- A. $\{2;3;5\}$. B. $\{3;5;6\}$. C. $\{4;5;6\}$. D. $\{8;21;4\}$.

Câu 3. Kết quả của phép tính $12.25+12.75$ bằng

- A. 100 B. 1200 C. 75 D. 12

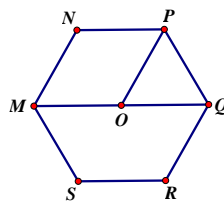
Câu 4. Nếu $a : b$ ($a, b \in Z, b \neq 0$) thì

- A. a là bội của b. B. a là ước của b. C. b là bội của a. D. -b là bội của - a.

Câu 5. Cho a, b là hai số nguyên âm. Khẳng định nào sau đây đúng?

- A. $a + b > 0$ B. $b > 0$ C. $(-a) \cdot (-b) < 0$ D. $a \cdot b > 0$

Câu 6. Cho hình vẽ dưới đây. Khẳng định nào sau đây là đúng?



- A. $NPOM$ là hình thang cân. B. $MNPQ$ là hình lục giác đều.
C. OPQ là tam giác đều. D. $MQRS$ là hình bình hành.

Câu 7. Khẳng định nào sau đây là **sai**?

- A. Hai góc kề một đáy của hình thang cân bằng nhau.
B. Trong hình thoi các góc đối không bằng nhau.
C. Trong hình chữ nhật hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.

D. Hai đường chéo của hình vuông bằng nhau.

Câu 8. Hình **không** có tâm đối xứng là:

- A. Hình chữ nhật. B. Hình tam giác C. Hình vuông D. Hình lục giác đều.

Câu 9. Trong các biển báo giao thông sau, biển báo nào có trục đối xứng?



110a – Cấm xe đạp



102 – Cấm đi ngược chiều



112 – Cấm đi bộ



123 – Cấm rẽ trái

- A. Biển 110a. B. Biển 102. C. Biển 112. D. Biển 123.

Câu 10. Trong các hình vẽ sau hình nào có trục đối xứng?



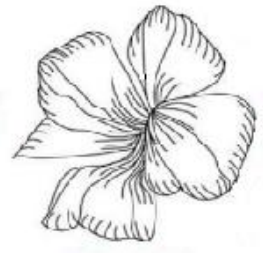
a)



b)



c)



d)

- A. a);b). B. a);c). C. b);c). D. c);d).

Câu 11. Kết quả đúng của phép tính $5^3 : 5 + 2 - 3^3 \cdot 3^0$ là

- A. 0. B. 5. C. 2. D. 3.

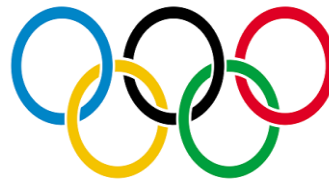
Câu 12. Trong các hình sau hình nào có nhiều hơn 1 trục đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- A. Hình 1. B. Hình 2. C. Hình 3. D. Hình 4.

II. Tự luận

Dạng 1: Tính

Bài 1. Thực hiện phép tính (hợp lí nếu có thể):

1) $2 \cdot 5^2 - 15 \cdot 2^3 + 26 : 2$

2) $27 \cdot 121 - 87 \cdot 27 + 73 \cdot 34$

3) $2.5^2 + 3:71^0 - 54:3^3$

4) $2023^0 + 5^7 : 5^5 - 9.(5^2 - 2.3)$

5) $150 + 50:5 - 2.3^2$

6) $18:3 + 182 + 3.(51:17)$

7) $200:[117 - (23 - 6)]$

8) $12:\{400:[500 - (125 + 25.7)]\}$

9) $649 + 527 + (-49) + 73$

10) $465 + [58 + (-465) + (-38)]$

11) $(-37).214 + 214.(-63)$

12) $(2354 - 45) - 2354$

13) $(-2009) - (234 - 2009)$

14) $(16 + 23) + (153 - 16 - 23)$

15) $(134 - 167 + 45) - (134 + 45)$

16) $-287 + 499 + (-499) + 285$

17) $1150 - (115 + 1150) + (115 - 39)$

18) $3 + (-5) + 7 + (-9) + 11 + (-13) + 15 + (-17)$

19) $-13 + 39 - (35 - 13)$

20) $-129 + 137 + (-37) + (-171)$

Bài 2. Nhiệt độ lúc trưa ở New York là -5°C . Đến tối, nhiệt độ tại đây lại giảm 6°C . Hỏi nhiệt độ lúc tối là bao nhiêu?

Bài 3. Một chiếc điều hòa bay lên đến độ cao 15 m (so với mặt đất), sau đó giảm 5 m rồi gặp gió lại lên 7 m. Hỏi cuối cùng chiếc điều hòa ở độ cao bao nhiêu?

Bài 4. Một chiếc tàu ngầm đang ở độ cao -50 m so với mực nước biển. Sau đó, tàu ngầm nổi lên 20 m. Tính độ cao mới của chiếc tàu đó so với mực nước biển.

Bài 5. Một bài kiểm tra có 50 câu hỏi. Mỗi câu trả lời đúng được +5 điểm, mỗi câu trả lời sai được -3 điểm và 0 điểm cho mỗi câu chưa trả lời. Tính số điểm của một học sinh đạt được khi đã trả lời được 35 câu đúng, 10 câu sai và 5 câu chưa trả lời được.

Dạng 2. Tìm x biết

Bài 1: Tìm số tự nhiên x sao cho:

a) $175 - 5(x + 3) = 85$

c) $565 - 13 \cdot x = 370$

e) $7^{2x-6} = 49$

b) $2x + 19 = 5.3^2$

d) $(x-1)^2 = 1$

f) $(x-2)(5-x) = 0$

Bài 2: Tìm số tự nhiên x sao cho:

a) $x \in B(14); 20 < x < 80$

b) $126 : x; 210 : x$ và $15 < x < 30$

c) $24 : x; 96 : x$ và x lớn nhất

d) $x:12; x:25; x:30$ và $0 < x < 500$

Bài 3: Tìm số nguyên x, biết

a) $-7 < x < -1$

d) $x - 5 = -1$

g) $22 - (-x) = 12$

b) $-1 \leq x \leq 6$

e) $x + 30 = -4$

h) $15 - (4 - x) = 6$

c) $-5 \leq x < 6$

f) $x - (-24) = 3$

i) $3(x + 4) - (8 - x) = 24$

Dạng 3. Bài toán thực tế

Bài 1. Cô Lan phụ trách một đội học sinh, cô cần chia số trái cây trong đó 80 quả cam; 36 quả quýt và 104 quả mận vào các đĩa bánh kẹo trung thu sao cho số quả mỗi loại trong các đĩa là bằng nhau. Hỏi có thể chia thành nhiều nhất bao nhiêu đĩa? Khi đó mỗi đĩa có bao nhiêu trái cây mỗi loại?

Bài 2. Một chuyến hàng ủng hộ miền Trung có 300 thùng mì tôm, 240 thùng nước ngọt và 420 lốc sữa. Các cô chú muốn chia thành các phần quà đều nhau về số lượng mì, nước và sữa. Con hãy giúp các cô chú chia sao cho số lượng các phần quà là nhiều nhất.

Bài 3. Cô Hà thư viện cần sắp xếp ba chồng sách: Toán, Tiếng Anh, Văn. Mỗi chồng sách chỉ gồm một loại sách. Mỗi cuốn sách Toán dày 15mm, mỗi cuốn sách Tiếng Anh dày 6mm, mỗi cuốn sách Văn dày 8mm, cô Hà xếp sao cho 3 chồng sách bằng nhau. Tính chiều cao nhỏ nhất của 3 chồng sách đó.

Bài 4. Một đơn vị bộ đội khi xếp hàng 10; 12 hoặc 15 đều thừa ra 5 người, biết số người của đơn vị trong khoảng từ 320 đến 400 người. Tính số người của đơn vị đó.

Dạng 4. Các bài tập hình học

Bài 1. Tính chu vi và diện tích các hình sau:

a) Hình chữ nhật có chiều dài 12cm và chiều rộng 8cm .

b) Hình vuông có cạnh 6cm .

c) Hình thang cân có độ dài hai đáy là 4cm và 10cm, chiều cao 4cm, cạnh bên 5cm .

d) Hình thoi có cạnh 5cm, độ dài hai đường chéo là 6cm và 8cm .

e) Hình bình hành có độ dài hai cạnh là 10cm và 14cm, chiều cao ứng với cạnh 10 cm là 8cm .

Bài 2. Một hình chữ nhật có chiều dài là 16m và chiều rộng là 10m. Một hình vuông có chu vi bằng chu vi hình chữ nhật. Tính diện tích hình vuông đó.

Dạng 5. Nâng cao

Bài 1. Tìm số tự nhiên a , biết rằng khi chia 24 cho a thì dư 3 và khi chia 38 cho a cũng dư 3.

Bài 2. Chứng tỏ rằng $\frac{12n+1}{30n+2}$ là phân số tối giản

Bài 3. Tìm số tự nhiên n sao cho $4n-5:2n-1$

A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

I. Phần văn bản

1. YÊU CẦU CHUNG VỀ KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:

- Nắm được đặc trưng của văn bản kí, văn bản nghị luận.
- Chỉ ra được đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của các văn bản.
- Cảm nhận và nêu được bài học, thông điệp, tình cảm của tác giả qua các văn bản.

2. TRI THỨC NGỮ VĂN

Bài 3: Kí (Hồi kí và du kí)

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (người kể ngôi thứ nhất, tính xác thực, cách kể sự việc, hình thức ghi chép,...), nội dung (đề tài, chủ đề, tình cảm, cảm xúc người viết,...) của văn bản hồi kí hoặc du kí.

Bài 4: Văn bản nghị luận (Nghị luận văn học)

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng,...), nội dung (đề tài, vấn đề, tư tưởng, ý nghĩa,...) của các văn bản nghị luận văn học.

II. Phần tiếng Việt

- Cấu tạo từ: từ đa nghĩa, từ đồng âm, từ mượn,
- Hiểu được ý nghĩa của một số thành ngữ.
- Các biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ.
- Công dụng dấu chấm phẩy trong văn viết.

III. Phần tập làm văn.

Dạng 1: Viết bài kể lại một kỉ niệm đáng nhớ của bản thân.

Dạng 2: Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về bài thơ lục bát.

B. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP TỰ LUYỆN

DẠNG 1: CÁC ĐỀ ĐỌC HIỂU VỀ VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

ĐỀ 1

Đọc kĩ văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

THĂM SÁU HỒNG NGÀI

Đường vào Hồng Ngài vất vả hơn những gì chúng tôi tưởng. Sau đoạn đường đất đầu tiên, đi thẳng xuống con đường phía đang làm dang dở, đi xuống những đoạn dốc dựng đứng của một con thác, cuối cùng chúng tôi đến với bản đầu tiên.

Đây cũng là bản duy nhất cho đến tận khi đến được với Hồng Ngài, cách nhau gần 7 ki-lô-mét. Hồng Ngài xa xôi, dễ làm nản lòng tất cả những người muốn đến bản bởi những con dốc dài nối nhau đi rụng rời chân mà vẫn không hết, Núi non sông nước trùng trùng, những mái nhà lúp xúp xa xa, thấp thoáng sau những cánh đồng, khuất sau những khe núi...

Chúng tôi đi vòng qua những thửa ruộng bậc thang đã gặt trụi, vài con trâu chậm rãi nhai cỏ, tiếng đập lúa giã gạo trong tiếng nước chảy đều đặn. Đoạn đường đi ngược lên qua rất nhiều ngã ba mà chúng tôi không thể hỏi được đường ai vì xung quanh không có lấy một nhà dân, một bóng người hay tiếng chó sủa nào. Cứ đi theo bản năng và cảm giác của bản thân mà bước tới. Đường dốc và trơn hơn bên ngoài rất nhiều, chiếc ba lô mang theo cứ muốn trĩu đôi vai xuống. Hơn hai tiếng đi bộ, đôi chân đã muốn rời ra vì không biết đường tiếp theo phải đi về đâu. Những cánh rừng bạt ngàn cây thảo quả đã giành chỗ của những cánh đồng lúa từ lúc nào. Cho đến lúc này, chúng tôi đang đi xuyên trong rừng rậm, xuyên qua những rừng thảo quả bạt ngàn, đó cũng là nguồn sản vật đem lại sự giàu có cho Hồng Ngài. Từ bao đời nay, người Hồng Ngài chưa hề có đường xe máy. Dù đi bất cứ đâu ngoài bản cũng chỉ bằng đôi chân. Con đường đang được xây dựng dang dở bên ngoài dự kiến trong vài năm tới sẽ đưa vào sử dụng. Đường đã bắt đầu khởi công hai năm nay.

Trời buông màn nhanh chóng sau rặng núi xa. Thời tiết ở vùng núi thay đổi nhanh không ngờ. Vừa tắt nắng đã thấy khí lạnh vội vã ập về và trời tối sẫm một màu. Ngã ba tiếp theo trước mặt, lại thêm một lựa chọn khó khăn. Mọi người quyết định đi thêm một tiếng nữa, nếu không thấy ngôi nhà nào sẽ quay lại bản vừa đi qua xin nghỉ lại. Sau gần nửa tiếng thì bất ngờ một vài ngôi nhà hiện ra từ phía bên kia núi.

Không kể xiết những niềm vui mà chúng tôi cảm thấy lúc này, thật sự may mắn. Những đôi chân rảo bước nhanh hơn, những mệt mỏi tan biến, nụ cười lại nở trên môi. Mấy nóc nhà nhìn thì gần thế mà phải mất thêm hơn nửa tiếng, đi xuyên ngang qua một dãy núi nữa mới tới được đến nơi. [...]

Sau bốn tiếng đi bộ và 10 ki-lô-mét đường núi đi qua, chúng tôi đặt chân đến điểm sâu nhất của tỉnh Lào Cai: Hồng Ngài – mảnh đất màu mỡ với những cánh rừng thảo quả, những ngôi nhà trình tường tuyệt đẹp. Trong hai năm tới, con đường vào với vùng đất này sẽ được hoàn tất, vẻ đẹp của Hồng Ngài sẽ được nhiều người biết đến hơn nữa trong những chuyến đi tiếp sau.

Hồng Ngài – cô gái xinh đẹp đang trở mình sau những mưa lũ đã qua.

(Theo LAM LINH, vnexpress.net)

Lựa chọn đáp án trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Đoạn văn trên viết theo thể loại nào?

- A. Truyện ngắn.
- B. Truyện thuyết.
- C. Cổ tích.
- D. Kí.

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên là gì?

- A. Biểu cảm.
- B. Tự sự.
- C. Miêu tả.
- D. Nghị luận.

Câu 3. Trong những từ sau, từ nào là từ mượn?

- A. ki-lô-mét.
- B. Lào Cai.
- C. cánh đồng.
- D. xinh đẹp.

Câu 4. Câu nào nêu đúng nội dung chính của văn bản trên?

- A. Tác giả kể lại những gì đã thấy ở bản Hồng Ngài.
- B. Tác giả đã kể lại chuyến đi vất vả đến bản Hồng Ngài.
- C. Tác giả kể về những cây thảo quả ở bản Hồng Ngài.
- D. Tác giả kể về thời tiết và nhà cửa ở bản Hồng Ngài.

Câu 5. Nhận xét nào sau đây nêu đúng tính chất du kí của văn bản này?

- A. Ghi lại một chuyến đi diễn ra chưa lâu mà mình đã trải qua.
- B. Ghi lại những sự việc đã xảy ra trong quá khứ xa.
- C. Ghi lại những câu chuyện của các danh nhân nổi tiếng.
- D. Ghi lại những câu chuyện tưởng tượng trong quá khứ.

Câu 6. Câu nào chứa cảm xúc của người viết?

- A. Núi non sông nước trùng trùng, những mái nhà lúp xúp xa xa, thấp thoáng sau những cánh đồng, khuất sau những khe núi.
- B. Trong hai năm tới, con đường vào với vùng đất này sẽ được hoàn tất, vẻ đẹp của Hồng Ngài sẽ được nhiều người biết đến hơn nữa trong những chuyến đi tiếp sau.
- C. Không kể xiết những niềm vui mà chúng tôi cảm thấy lúc này, thật sự may mắn.
- D. Dù đi bất cứ đâu ngoài bản cũng chỉ bằng đôi chân.

Câu 7. Từ “chân” trong câu “Dù đi bất cứ đâu ngoài bản cũng chỉ bằng đôi chân.” không cùng nghĩa với từ “chân” trong câu nào sau đây?

- A. Hơn hai tiếng đi bộ, đôi chân đã muốn rời ra.
- B. Giặc đã đến chân núi Trâu.
- C. Tôi đã phải thông một chân qua khung xe.
- D. Nước ngập đến tận khoeo chân.

Câu 8. Thông điệp mà tác giả muốn gửi tới người đọc qua đoạn văn trên là gì?

- A. Ca ngợi phẩm chất dũng cảm, bất khuất của con người ở bản Hồng Ngài.
- B. Con người ở bản Hồng Ngài chăm chỉ, cần cù, chịu khó.
- C. Ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên ở bản Hồng Ngài.
- D. Ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước Việt Nam.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu sau:

Câu 9: Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu văn sau: *“Hồng Ngài – cô gái xinh đẹp đang trở mình sau những mưa lũ đã qua.”*

Câu 10: Từ nội dung văn bản trên, em hãy viết 2-3 dòng nhận xét về con đường đến bản Hồng Ngài.

Đọc kĩ văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

CON CÒ TRONG CA DAO

(1) Trong ca dao dân ca Việt nam, có rất nhiều bài nói đến con cò. Những câu ca dao hay và có lẽ cũng rất cổ của ta, hầu hết mở đầu bằng “con cò...”: con bay lả bay la, con cò bay bổng bay cao, con cò lặn lội bờ ao, con cò trắng bạch như vôi, con cò vàng, con cò kì, con cò quăm, ... Tại sao trong khi hát, nhân dân lao động Việt Nam lại hay nói nhiều đến loài chim ấy mà không nói đến loài chim khác?

(2) Trong các loài chim kiếm ăn ở đồng ruộng, chỉ có con cò thường gần nhiều với người nông dân hơn cả. Những lúc cày cuốc, cấy hái, người nông dân Việt Nam thường thấy con cò bên họ: con cò lội theo luống cày, con cò bay trên đồng lúa bát ngát, con cò đứng trên bờ ruộng rĩa lông, rĩa cánh, ngắm nghía người nông dân làm lụng.

(3) Bận thân nhất của người nông dân trong lao động và sản xuất là con trâu. Nhưng trâu phải cái nặng chình chịch, đi đứng vững vàng thật, nhưng chậm chạp, sống một cuộc đời gò bó, vất vả không mấy lúc thanh thoi, cho nên chỉ những lúc nghỉ đến cuộc đời nhọc nhằn, cực khổ của mình, người nông dân mới liên hệ đến con trâu, con vật tiêu biểu nhất cho sức sản xuất nơi đồng ruộng.

(4) Còn những lúc người dân lao động Việt Nam xúc cảm, tâm trí muốn vươn lên, muốn ca hát cho tâm hồn bay bổng thoải mái trong khi làm lụng, thì chỉ có con cò gợi hứng cho họ nhiều. Con cò trắng bạch kia tuy ngày đêm lặn lội, nhưng nhiều lúc lại bay lên mây xanh. Nó cũng vất vả, nhưng có vẻ trong trắng, thanh cao, có những lúc nó vẫy vùng thoải mái, nó sống một cuộc đời mà người dân lao động nước ta thời xưa hằng mong ước.

(Theo Vũ Ngọc Phan, **Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam**, NXB Văn học. Hà Nội, 2002)

Lựa chọn đáp án trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Mục đích chính của đoạn trích trên là gì?

- A. Cung cấp thông tin về con cò và người nông dân
- B. Bày tỏ tình cảm của người viết với con cò
- C. Giải thích vì sao trong ca dao hay nhắc tới con cò
- D. Giới thiệu, thuyết minh về con cò và người nông dân

Câu 2. Phương án nào sau đây thể hiện rõ yếu tố nghị luận trong đoạn trích trên?

- A. Nhân vật và sự việc
- B. Lí lẽ và bằng chứng
- C. Lời kể và người kể
- D. Thời gian và địa điểm

Câu 3. Câu nào sau đây là câu nêu vấn đề để bàn luận?

- A. Trong ca dao dân ca Việt Nam, có rất nhiều bài nói đến con cò.
- B. Tại sao trong khi hát, nhân dân lao động lại hay nói nhiều đến con cò?
- C. Những câu ca dao hay và cổ nhất của ta, hầu hết mở đầu bằng “con cò..”.
- D. Bạn thân nhất của người nông dân trong lao động và sản xuất là con trâu.

Câu 4. Ý nào sau đây nêu đúng nhiệm vụ của đoạn (1) trong văn bản trên?

- A. Giải thích vấn đề cần bàn luận
- B. Nêu vấn đề cần bàn luận
- C. Chứng minh ý kiến của người viết
- D. Nêu cảm nghĩ của người viết

Câu 5. Ý chính của đoạn (3) là gì?

- A. Khẳng định con trâu là người bạn thân nhất của người nông dân
- B. Miêu tả đặc điểm công việc và tính cách chậm chạp của con trâu
- C. Giải thích vì sao và khi nào người nông dân mới liên hệ đến con trâu
- D. Chứng minh con trâu là tiêu biểu nhất cho sức sản xuất nơi đồng ruộng

Câu 6. Câu nào sau đây nêu được ý chính của đoạn (4)?

- A. Con cò mới là người bạn thân nhất của người nông dân khi lao động.
- B. Con cò tuy ngày đêm lặn lội nhưng nhiều lúc lại bay lên mây xanh.
- C. Cuộc sống của con cò cũng vất vả nhưng có vẻ trong trắng, thanh cao.
- D. Con cò phù hợp với tâm trạng muốn ca hát khi làm lụng của nông dân.

Câu 7. Dòng nào nêu bằng chứng làm sáng tỏ cho lí lẽ: “Những câu ca dao hay và có lẽ cũng rất cổ của ta, hầu hết mở đầu bằng “con cò...””?

- A. Những lúc cày cuốc, cấy hái, người nông dân thường thấy con cò bên họ
- B. Con cò bay lả bay la, con cò bay bổng bay cao, con cò lặn lội bờ ao,...
- C. Con cò lội theo luống cày, con cò bay trên đồng lúa bát ngát,...
- D. Con cò trắng kia tuy ngày đêm lặn lội, nhưng nhiều lúc lại bay lên mây xanh.

Câu 8. Dòng nào sau đây nói đúng về hiện tượng từ mượn trong văn bản Con cò trong ca dao?

- A. Ít sử dụng từ mượn

B. Không sử dụng từ Hán Việt

C. Chỉ dùng từ thuần Việt

D. Có sử dụng từ tiếng Anh

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu sau:

Câu 9. Hãy nêu một vài câu ca dao hoặc bài thơ có hình ảnh con cò mà em biết.

Câu 10. Thông qua văn bản trên, bằng 3-4 câu văn, trình bày suy nghĩ của em về phẩm chất người nông dân Việt Nam.

DẠNG 2: VIẾT

Đề 1: *Viết bài văn kể lại một kỉ niệm đáng nhớ của em.*

Đề 2: *Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ lục bát.*

REVISION FOR THE FIRST TEMR TEST-GRADE 6

PART A: USE OF LANGUAGE

I. Topics: Units: 1 - 6

II. Vocabulary:

- Unit 1: My new school
- Unit 2: My house
- Unit 3: My friends
- Unit 4: My neighbourhood
- Unit 5: Natural wonders of Viet Nam
- Unit 6: Our Tet holiday

II. Grammar:

1. Present simple – Hiện tại đơn

Form	
To be (+) S + am/is/are + O + ... (-) S + am/is/are + not + O + ... (?) Am/Is/Are + S + O + ...? Verbs (+) S + V(-s/es) + O + ... (-) S + don't/ doesn't + V(nguyên thể) + O + ... (?) Do/Does + S + V(nguyên thể) + O + ...?	<i>She is a teacher.</i> <i>She isn't a teacher.</i> <i>Is she a teacher?</i> <i>John goes to school everyday.</i> <i>John doesn't go to school everyday.</i> <i>Does John go to school everyday?</i>
Usage	
- Sự việc diễn ra lặp đi lặp lại hay một thói quen - Sự thật hiển nhiên, chân lý luôn đúng - Lịch trình có sẵn, cố định	<i>They drive to the office every day.</i> <i>The Earth moves around the Sun.</i> <i>Christmas Day falls on a Monday this year.</i>
Signal words	
- Trạng từ tần suất: Always, Usually, Sometimes, Often, Never, - Every + day/ week/ month/ year/ - Once, twice, three times, four times,	

2. Adverbs of frequency – Trạng từ chỉ tần suất.

- Trạng ngữ chỉ tần suất được dùng khi muốn biểu đạt hay mô tả về mức độ thường xuyên của một hành động nào đó.
- Always(luôn luôn), usually(thường xuyên), sometimes(thỉnh thoảng), never(không bao giờ), rarely(hiếm khi), seldom(hiếm khi), frequently(thường xuyên), often(thường xuyên),....
- Vị trí của trạng ngữ chỉ tần suất:
 + Trước động từ thường: My boyfriend sometimes writes email to me.
 + Sau động từ "to be": *She is always very happy.*
 + Sau trợ động từ: *He doesn't usually play football.*

3. Possessive case – Sở hữu cách.

3.1. Định nghĩa:

Sở hữu cách (possessive case) là một hình thức chỉ quyền sở hữu của một người đối với một người hay một vật khác để từ đó làm rõ thêm cho đối tượng đang được nhắc đến.

3.2. Công thức:

Người làm chủ + 'S + vật/ người thuộc quyền sở hữu.

Eg: Lan's house: Nhà của Lan.

3.3. Cách viết sở hữu cách:

- Ta thêm 's vào sau danh từ số ít, danh từ không đếm được hoặc danh từ số nhiều nhưng không kết thúc bằng s.

E.g: *Jack's shoes, Their children's room*

- Ta chỉ thêm ' vào sau danh từ số nhiều hoặc từ tận cùng là s.

E.g: *The parents' room*

4. Prepositions of place – Giới từ chỉ vị trí.

- Giới từ chỉ vị trí mô tả vị trí của người hoặc vật.

- Một vài giới từ chỉ vị trí: In (bên trong), on (bên trên), behind (phía sau), under (phía dưới), next to (bên cạnh), in front of (đằng trước), between (ở giữa), opposite (đối diện), ...

- Vị trí của giới từ: Giới từ chỉ vị trí thường đứng sau động từ tobe và đứng trước danh từ.

Eg: *The lamp is opposite the sofa.*

5. Present continuous – Hiện tại tiếp diễn.

Form	
(+) S + am/is/are + V-ing + (-) S + am/is/are + not + V-ing + (?) Am/Is/Are + S + V-ing + ... ?	<i>He is reading a book now.</i> <i>He isn't reading a book now.</i> <i>Is he reading a book now?</i>
Usage	
- Diễn đạt một hành động đang xảy ra tại thời điểm nói. - Diễn tả một hành động, sự việc đang diễn ra nhưng không nhất thiết phải diễn ra ngay lúc nói. - Diễn đạt một hành động sắp xảy ra trong tương lai gần. Thường diễn tả một kế hoạch đã lên lịch sẵn. - Hành động thường xuyên lặp lại gây sự bức mình, khó chịu cho người nói. Cách dùng này được dùng với trạng từ "always".	<i>I am eating my lunch right now.</i> <i>I'm quite busy these days. I'm learning for my final exam.</i> <i>I am flying to London tomorrow.</i> <i>He is always losing his keys.</i>
Signal words	
- Trong câu có các trạng từ chỉ thời gian: now (bây giờ), right now (ngay bây giờ), at the moment (lúc này), at present (hiện tại), at this time (bây giờ). - At + giờ cụ thể (at 12 o'clock) - Trong câu có các từ như: Look! (nhìn kìa), Listen (hãy nghe này), Keep silent! (Trật tự), Be careful! (Cẩn thận), Hurry up! (Hãy nhanh lên)...	

6. Comparative adjectives – So sánh hơn của tính từ.

Form	
S1 + be + adj-er + than + S2 (noun/pronoun). S1 + be + more + adj + than S2 (noun/pronoun).	<i>Ha Noi is bigger than Hung Yen.</i> <i>Binh is more clever than Long.</i>
How to form comparative adjectives	
- Đối với tính từ ngắn (1 âm tiết), không kết thúc bằng đuôi "ly". <ul style="list-style-type: none">• Kết thúc bằng "e" thêm r.• Kết thúc là một phụ âm, trước phụ âm là nguyên âm (u,e,o,a,i) thì gấp đôi phụ âm + er• Còn lại + er. - Đối với tính từ có kết thúc bằng "ly" → Đổi thành "i" + er - Đối với tính từ dài (từ 2 âm tiết trở lên): Thêm "more" trước tính từ.	<i>large → larger</i> <i>tall → taller</i> <i>short → shorter</i> <i>noisy → noisier</i> <i>beautiful → more beautiful</i>

Notes - Những tính từ đặc biệt

Good → Better Bad → Worse Far → Farther /Further	Old → Older/ Elder Little → Less Many → More (Danh từ đếm được) Much → More (Danh từ không đếm được)
--	---

7. Countable and uncountable nouns. (Danh từ đếm được và không đếm được)

Countable nouns	Uncountable nouns
Là những sự vật có thể đếm được số lượng cụ thể <i>Eg: a school, a phone, ...</i>	Là những sự vật không đếm được bằng số lượng cụ thể. <i>Eg: rice, sugar, water, ...</i>
Đi cùng với mạo từ a/an/the. <i>Eg: A ruler, an apple, ...</i>	Đi kèm với mạo từ “the” hoặc danh từ khác. <i>Eg: the music, the information, ...</i>
Đi cùng với các số đếm. <i>Eg: Two apples, three candles, ten pens, ...</i>	Đi cùng với các đơn vị đo lường. <i>Eg: a glass of water, two bottles of juice, ...</i>
Đứng sau a few, many, some. <i>Eg: many tables, a few carrots, ...</i>	Đứng sau a little, much, some. <i>Eg: much rain, some sugar, ...</i>

8. Modal verb: must/mustn't – Động từ khuyết thiếu “Must”

Must là động từ hình thái được dùng để diễn tả sự bắt buộc.

Dạng phủ định của must là mustn't mang ý nghĩa ngược lại là không được phép.

8.1. Must

Dùng để diễn tả sự bắt buộc, mệnh lệnh.

S + must + V(nguyên thể) +

Eg: You must wear swimsuit in the pool. (Bạn phải mặc đồ bơi trong hồ bơi)

8.2. Mustn't

Dùng mustn't khi muốn ngăn cản ai đó làm điều gì không được phép.

S + mustn't + V(nguyên thể) +

Eg: You mustn't step on grass. (Bạn không được phép giẫm lên cỏ)

9. Should/shouldn't for advice

Form	
S + should + V (nguyên thể) +	<i>You should go to bed early.</i>
S + should not + V(nguyên thể) + (shouldn't)	<i>You shouldn't buy fireworks.</i>
Should + S + V(nguyên thể) + ... ?	<i>Should we buy a new car?</i>

10. Some/any for amount

Some	- Đứng trước danh từ đếm được số nhiều và danh từ không đếm được. <i>E.g: There are some bananas on the table.</i> <i>He needs some time to relax.</i> - Dùng trong câu khẳng định. <i>E.g: My brother drank some beer last night.</i> - Dùng trong câu yêu cầu hoặc đề nghị. <i>E.g: Would you like some coffee?</i>
Any	- Đứng trước danh từ đếm được số nhiều và danh từ không đếm được. <i>E.g: There aren't any students in the class.</i> - Dùng trong câu phủ định và câu hỏi.

E.g: *She doesn't buy any milk.*

Does he give you any oranges?

- Dùng trong câu khẳng định nhưng mang nghĩa là "bất kì".

E.g: *Any day at school is fun.*

III. Pronunciation:

- Sounds: /ɑ:/ and /ʌ/; /b/ and /p/; /I/ and /i:/; /t/ and /d/; /s/ and /ʃ/
- Final sounds: /s/ and /z/

IV. Speaking:

- Introduce and answer teacher's questions.
- Present the topic and answer teacher' questions

1. Talk about your new school.

- What is the name of the school?
- Where is it? What is it like?
- What do you like about your school?

2. Talk about your house.

- What type of house do you live in?
- How many rooms are there in your house? What are they?
- What is your favourite room? Why?

3. Talk about your friends.

- Who is this person?
- What does he/she look like?
- What kind of personality does your friend have?

4. Talk about your neighbourhood.

- Where do you live?
- What is your neighbourhood like?
- What do you like and dislike about your neighbourhood?

5. Talk about natural wonders of Viet Nam.

- Name a natural wonder of Viet Nam.
- Where is it? What is special about it?
- Why do you like it?

6. Talk about Tet holiday.

- When is Tet holiday celebrated?
- What do Vietnamese people do during Tet?
- Do you like Tet holiday? Why?

PART B: PRACTICE

Exercise 1: Choose the word whose underlined part differs from the others in pronunciation in each of the following questions.

- | | | | |
|-------------------------|-------------------------------|-----------------------|-----------------------------|
| 1. A. comp <u>ass</u> | B. p <u>ar</u> king lot | C. cl <u>ass</u> room | D. g <u>ar</u> den |
| 2. A. l <u>ar</u> ge | B. sh <u>ar</u> pener | C. h <u>at</u> | D. st <u>ar</u> |
| 3. A. <u>a</u> ctor | B. h <u>ar</u> d | C. m <u>a</u> p | D. m <u>a</u> ths |
| 4. A. m <u>a</u> ps | B. h <u>a</u> ts | C. kn <u>o</u> cks | D. b <u>e</u> es |
| 5. A. p <u>a</u> irs | B. g <u>r</u> oups | C. l <u>e</u> arners | D. k <u>i</u> tchens |
| 6. A. c <u>oo</u> kers | B. n <u>o</u> tebook <u>s</u> | C. p <u>o</u> sters | D. t <u>a</u> bl <u>e</u> s |
| 7. A. m <u>ea</u> t | B. b <u>ea</u> n | C. p <u>ea</u> ch | D. g <u>re</u> at |
| 8. A. p <u>ea</u> ceful | B. s <u>lee</u> py | C. p <u>le</u> asure | D. c <u>he</u> ap |
| 9. A. h <u>ea</u> vy | B. c <u>he</u> ap | C. t <u>ea</u> | D. s <u>ea</u> |
| 10. A. k <u>i</u> te | B. <u>i</u> mage | C. b <u>r</u> idge | D. h <u>i</u> ll |
| 11. A. v <u>i</u> sion | B. m <u>i</u> nute | C. p <u>o</u> lite | D. k <u>i</u> tten |

- | | | | |
|-------------------------|---------------------|---------------------|-----------------------|
| 12. A. boat | B. desert | C. question | D. mountain |
| 13. A. <u>d</u> ecorate | B. holiday | C. r <u>e</u> ading | D. Wed <u>n</u> esday |
| 14. A. <u>s</u> orry | B. <u>s</u> hopping | C. <u>s</u> ure | D. <u>s</u> ugar |
| 15. A. <u>s</u> ound | B. <u>s</u> and | C. <u>s</u> econd | D. <u>s</u> hirt |

Exercise 2: Choose the word that differs from the others in the position of primary stress in each of the following questions.

- | | | | |
|-----------------|-------------|--------------|--------------|
| 1. A. excited | B. surround | C. classmate | D. behind |
| 2. A. become | B. dislike | C. eraser | D. subject |
| 3. A. apartment | B. cupboard | C. poster | D. sofa |
| 4. A. between | B. bedroom | C. messy | D. valley |
| 5. A. because | B. request | C. Chinese | D. modern |
| 6. A. peaceful | B. another | C. simple | D. friendly |
| 7. A. plaster | B. mountain | C. beside | D. waterfall |
| 8. A. temple | B. around | C. until | D. exchange |
| 9. A. wonder | B. forest | C. ahead | D. noisy |
| 10. A. many | B. column | C. repeat | D. wonder |

Exercise 3: Mark the letter A, B, C, D to indicate the correct answer to each of following the questions.

- What time does Lan _____ every morning?
A. get up B. gets up C. gets D. get
- Minh looks really _____ in your new uniform!
A. interesting B. smart C. healthy D. friendly
- My sister goes to a _____ school, so she only comes home at weekends.
A. private B. boarding C. public D. international
- What are there _____ our neighborhood?
A. at B. on C. in D. from
- Nam and Minh _____ badminton in the yard right now.
A. play B. plays C. are playing D. is playing
- Our classroom is _____ the third floor.
A. from B. in C. at D. on
- The streets in Hoi An ancient town are _____ and no cars are allowed.
A. convenient B. wide C. modern D. narrow
- Living in the city is _____ than living in the countryside.
A. more expensive B. expensiver C. more expensiver D. expensive
- Turn left _____ the traffic lights and the museum is _____ your left.
A. in - on B. at - in C. at - on D. on - in
- Winter is _____ than summer.
A. colder B. more cold C. more colder D. coldder
- Miss Linh is _____ than Miss Lan.
A. oldder B. more old C. more older D. older
- The square in Ha Noi is _____ than the square in Hoi An.
A. big B. bigger C. more big D. biger
- Which is _____, the West Lake or the Moraine Lake?
A. more larger B. larger C. larger D. more large
- This motorbike is _____ than that one.
A. cheapper B. more cheaper C. more cheap D. cheaper
- The Sahara is the third largest _____ in the world.
A. valley B. island C. desert D. mountain
- My kitchen is _____ yours.
A. bigger than B. more bigger C. more big D. bigger
- Ha Long Bay is famous _____ its scenic rock formations.

- A. to B. with C. for D. by
17. _____ is a piece of land that is completely surrounded by water.
A. A cave B. An island C. A wood D. A forest
18. When hiking overnight, don't forget to bring the _____. It will keep you warm at night.
A. sun cream B. hiking boots C. sleeping bag D. painkillers
19. The Hang Son Doong is one of the natural _____ of the Viet Nam.
A. scenery B. sights C. materials D. wonders
20. How _____ notebooks are there in your bag?
A. much B. a lot C. many D. a few
21. There isn't _____ juice in the fridge. It's empty.
A. any B. some C. a few D. a little
22. How _____ sugar do you need for your tea, Dad ?
A. many B. a little C. some D. much
22. I want to speak English better. I _____ practise more.
A. can't B. musn't C. must D. shouldn't
24. You _____ travel alone to the mountain. Always go in a group.
A. must B. mustn't C. do D. don't
25. Students _____ copy their classmates' work.
A. should B. mustn't C. must D. not
26. People in many countries in the world often wear their _____ clothes on the New Year Day.
A. tradition B. summer C. ordinary D. traditional
27. I will _____ my lucky money in my piggy bank.
A. keep B. spend C. borrow D. give
28. This year, Vietnamese people celebrate Tet _____ February.
A. of B. on C. in D. at
29. On the first day of Tet, people often go to _____ to pray for a good new year.
A. cinemas B. pagodas C. museums D. art galleries
30. What _____ you _____ on TV now?
A. are- watching B. are- watch C. do- watch D. does- watch
31. I'm an _____ person. I think it is important to tell the truth.
A. kind B. shy C. honest D. friendly
32. The weather today is _____ than it was yesterday.
A. gooder B. good C. more good D. better
33. I need to buy _____ painkillers.
A. much B. a C. some D. a little
34. You _____ break anything during Tet holiday. It is unlucky.
A. should B. shouldn't C. can D. don't
35. Hurry up! We only have _____ time before the train leaves.
A. many B. a few C. much D. a little
36. He must _____ on time.
A. are arriving B. to arrive C. arrives D. arrive
37. People _____ their houses with lanterns and flowers.
A. decoration B. decorate C. decorates D. decorating
38. Children often _____ lucky money during Tet.
A. give B. send C. receive D. buy
39. We should _____ our grandparents at Tet.
A. to visit B. visit C. visiting D. visited
40. You must _____ your room now.
A. clean B. cleaning C. to clean D. is cleaning

Exercise 4: Mark the letter A, B, C, D to indicate the underlined part that needs correction in each of the following questions

1. My brother play basketball with his friends three times a week.
2. Mike doesn't likes staying at home alone.
3. I don't have many homework to do at home.
4. My father is drink coffee in the living room at the moment.
5. John and Kevin is talking with each other now.
6. Linh is very confident. She never says anything.
7. There's a wastepaper basket between her desk.
8. In the cinema we should eat or drink anything.
9. A new house is more cheaper than an old one.
10. It is more cold today than it was yesterday.

Exercise 5: Choose the best response, A, B or C, to complete these short dialogues.

1. 'Can you tell me the way to Tan Ky House please?'
' _____ . Go straight, then turn right.'
A. Certainly B. Let's go C. Good idea! D. My pleasure
2. Shall we go to the museum this weekend?
A. No problem. B. Good idea! C. Not at all. D. What a pity!
3. 'Where do you live?' ' _____ '
A. On the floor. C. Next to the bookshelf.
B. It's amazing. D. In a town house.
4. Marry, can you please pass me the newspaper?
A. No, thanks. C. Sure. Here you are.
B. Yes, I would. D. Never mind.
5. "This is Hannah." " - _____ "
A. Pleased to meet you. C. Nice to hear you. B.
See you later. D. What about her?
6. "Have you got any other suggestions?" " - _____ "
A. Yes, why not? C. Why don't we go to the park? B.
No, that's not a good idea. D. I'm fine.

Exercise 6: Choose the word or phrase that is CLOSEST in meaning to the underlined part in each of the following sentences.

1. Try to be quick! We're late already.
A. slow B. fast C. long D. short
2. You can enjoy great Vietnamese seafood in Ha Long Bay.
A. hate B. like C. dislike D. love
3. This park is more beautiful than that park.
A. kind B. nice C. big D. small
4. Forest is being cleared to make way for new fanning land.
A. Wood B. Animal C. River D. Plant

Exercise 7: Choose the word of phrase that is OPPOSITE in meaning to underlined part in each of the following sentences.

1. It's too polluted for me to live in this area.
A. interesting B. fresh C. convenient D. comfortable
2. My computer is noticeably slower than before.
A. faster B. lower C. shorter D. higher
3. Is a house in the city more expensive than a house in the countryside?
A. cheap B. convenient C. beautiful D. interesting
4. The city is modern with a lot of houses , shops, buildings and theatres...
A. new B. big C. fantastic D. historic

Exercise 8: Choose the word or phrase among A, B, C or D that the best fits the blank space in the following passage.

I live in a small village called Northville. There are about 2000 people here. I love the village (1) _____ it is very quiet and life is slow and easy. The village is always clean; people look (2) _____ it with great care. The air is always clean, too. People are much friendlier here than in a city because everyone (3) _____ the others, and if someone has a problem, there are always people who can help.

There are only a few things that I don't like about Northville. One thing is that we have not got many things to do in the evening; we haven't got (4) _____ cinemas or theaters. The other thing is that people always talk about (5) _____, and everyone knows what everyone is doing. But I still prefer village life to life in a big city.

- | | | | |
|--------------|----------------|---------------|----------|
| 1. A. so | B. although | C. because | D. but |
| 2. A. for | B. at | C. up | D. after |
| 3. A. knows | B. know | C. is knowing | D. knew |
| 4. A. little | B. some | C. any | D. few |
| 5. A. others | B. one another | C. another | D. other |

Exercise 9: Choose the word or phrase among A, B, C or D that the best fits the blank space in the following passage.

Tra Co Beach in Quang Ninh province is 9 kilometers from Mong Cai. It has the (1) _____ and the most romantic beach in Viet Nam. Tourists can enjoy the (2) _____ of white sand beaches and green sea water all year (3) _____. Visitors can (4) _____ enjoy the sunset or sunrise in Con Mang islet. You can visit Tra Co Communal House, Linh Khanh Pagoda, and Tra Co Church. If tourists want some fresh (5) _____, they can find it from fishing boats. They can take part in "Tra Co Festival" from May 30 to June 6.

- | | | | |
|--------------|--------------|--------------|----------------|
| 1. A. long | B. longer | C. longest | D. much longer |
| 2. A. beauty | B. beautiful | C. of beauty | D. pretty |
| 3. A. over | B. long | C. round | D. longer |
| 4. A. be | B. be able | C. then | D. also |
| 4. A. menu | B. seafood | C. air | D. water |

Exercise 10: Read the following passage and mark the letter A,B, C,D to indicate the correct answer to each of the questions.

Lunar New Year, or Tet, is the biggest and most important festival in Vietnam. Tet often falls between late January and early February.

A great deal of excitement still builds up well before Tet. Streets are decorated with coloured lights and red banners. Shops are full of goods. People are busy buying gifts, cleaning and decorating their houses and cooking traditional foods.

Homes are often decorated with plants and flowers at this time. Peach blossom is traditional at Tet in the North while apricot blossom is traditional in the South. One of Tet's most special foods is Banh chung, which is made of sticky rice, green beans and fatty pork.

On the days of Tet, people visit other family members or friends and they exchange New Year's wishes. Children receive their "lucky money" inside red envelopes. Many people go to pagodas to pray for a happy new year for themselves and their families. Both children and adults take part in games and various forms of entertainment. Tet is really a time of fun and festivals throughout the country.

1. When does Tet occur?

- A. between early January and early February.
- B. between late December and early January.
- C. between late January and early February.
- D. between late January and late February.

2. What do people do to prepare for Tet?

- A. They buy flowers, clean and decorate their houses and cook traditional foods.
- B. They buy gifts, clean and decorate their houses and cook traditional foods.
- C. They buy gifts, fireworks and cook traditional foods.
- D. They buy flowers, clean and decorate their houses and visit relatives.

3. Where is apricot blossom the symbol of Tet?

- A. It is the symbol of Tet in the North.
- B. It is the symbol of Tet in the Central region.
- C. It is the symbol of Tet in the Highlands.
- D. It is the symbol of Tet in the South.

4. What is Banh Chung made of?

- A. It is made of sticky rice, green beans and fatty pork.
- B. It is made of flour, green beans and fatty pork.
- C. It is made of sticky rice, green beans and fatty beef.
- D. It is made of sticky rice, green beans and fatty chicken.

5. What do children receive during Tet?

- A. They receive a piggy bank.
- B. They receive lucky money.
- C. They receive lanterns.
- D. They receive new clothes.

Exercise 11: Rewrite the sentences as directed.

Write the second sentence so that it has a similar meaning to the first one

- 1. The museum is bigger than the art gallery.
→ The art gallery
- 2. The food here is worse than my cooking.
→ My cooking
- 3. It's a good idea to go to pagoda on New Year's Eve.
→ We
- 4. The TV is in front of the window.
→ The window
- 5. There are three supermarkets in my town.
→ My town.....
- 6. We are not allowed to pick flowers in the school garden.
→ We.....
- 7. Getting up early every day is good for your health.
→ You
- 8. Don't be late for school.
→ You.....
- 9. Country life is more boring than city life.
→ City life

Exercise 12: Make sentences, using the words and phrases below

1. Mary/ usually/ drink/ tea/ her friends/ the morning.

.....

2. Peter/ have/ lunch/ kitchen/ the moment.

.....

3. You/ take/ umbrella/ because/ it/ rain.

.....

4. How/ butter/ you/ need/ make/ cake?

.....

5. The brown coat/ short/ than/ the black one.

.....

6. The sofa/ comfortable/ the chair.

.....

7. He/ want/ buy/ some/ new/ furniture/ house.

.....

NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ I MÔN GDCD LỚP 6

A/ HỆ THỐNG BÀI HỌC

1. Tự hào về truyền thống gia đình dòng họ.
2. Yêu thương con người.
3. Siêng năng kiên trì.
4. Tôn trọng sự thật.
5. Tự lập.
6. Tự nhận thức bản thân.

B/ BÀI TẬP:

1. Nắm được khái niệm trong mỗi bài học và trả lời được các câu hỏi, bài tập sau mỗi bài học trong SGK.
2. Tạo được tình huống, giải quyết được một số tình huống có liên quan đến từng chủ đề bài học.
3. Tìm, giải thích được một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao, danh ngôn,... liên quan đến từng chủ đề.
4. Liên hệ bản thân, điều chỉnh hành vi sao cho phù hợp với chuẩn mực đạo đức ở từng chủ đề.

C. MỘT SỐ CÂU HỎI CỤ THỂ

Câu 1: Em hãy kể tên những truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ? Theo em truyền thống gia đình, dòng họ có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi cá nhân? Lấy ví dụ bản thân đã biết tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ?

Câu 2: Dựa vào nội dung đã học em hãy cho biết yêu thương con người là gì? Khi chúng ta biết yêu thương mọi người thì sẽ giúp chúng ta điều gì? Lấy ví dụ về hành động thể hiện tình yêu thương con người?

Câu 3: Thế nào là siêng năng kiên trì? Siêng năng kiên trì có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi chúng ta? Lấy ví dụ thể hiện người có đức tính siêng năng kiên trì?

Câu 4: Sự thật là gì? Biểu hiện của người biết tôn trọng sự thật? Tôn trọng sự thật giúp chúng ta điều gì trong cuộc sống? Liên hệ bản thân em về hành vi biết tôn trọng sự thật?

Câu 5: Theo em thế nào là tự lập? Biểu hiện của người có đức tính tự lập là gì? Lấy ví dụ về bản thân em đã biết tự lập trong cuộc sống?

Câu 6: Tự nhận thức đúng về bản thân sẽ giúp em điều gì? Để tự nhận thức về bản thân em cần làm gì? Liên hệ bản thân em đã tự nhận thức về bản thân như thế nào?

Câu bài tập tình huống

Tình huống 1: Bình và An chơi thân với nhau và ngồi cùng bàn. Trong tiết kiểm tra Toán, Bình đã nhiều lần sử dụng tài liệu. Khi giáo viên hỏi: “Các em có thấy bạn nào đang sử dụng tài liệu không?”. An lúc đấy im lặng không trả lời, An nghĩ “ Bình là bạn mình mình không thể phò nó được”.

a/ Em có đồng tình với hành vi của An hay không? Vì sao?

b/ Nếu em là An trong trường hợp đó em sẽ làm gì?

Tình huống 2: Trong buổi học Tiếng Anh trên lớp. Giáo viên giao cho các con hoàn thành bài kiểm tra Tiếng Anh trên phần mềm Hanoistudy. Liên và Anh chơi thân với nhau, Liên nhanh chóng hoàn thành bài tập cô giao. Anh nói với Liên “ Ê mày! Làm luôn cho tao với đằng nào cũng đang tiện mở máy.”

a/ Em có đồng tình với hành vi của Anh hay không? Vì sao?

b/ Nếu em là Liên trong trường hợp đó em sẽ làm gì?

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

A. PHẦN LỊCH SỬ

1. Học sinh ôn tập lại kiến thức các bài: 9, 10, 11, 12, 13, 14.

2. Nội dung chính:

- **Bài 9.** Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII.

- **Bài 10.** Hy Lạp và La Mã cổ đại.

- **Bài 11.** Các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á.

- **Bài 12.** Sự hình thành và bước đầu phát triển của các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á (từ thế kỉ VII đến thế kỉ X).

- **Bài 13.** Giao lưu văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu CN đến thế kỉ X.

- **Bài 14.** Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc.

B. PHẦN ĐỊA LÍ

1. Học sinh ôn tập kiến thức các bài: 1,3,6,7,8,10,11,12,13, 15,16,17,18.

2. Nội dung chính:

* *Phần 1: Bản đồ - Phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất.*

- Hệ thống kinh tuyến, vĩ tuyến. Tọa độ địa lí.

- Tỉ lệ bản đồ. Tính khoảng cách thực tế giữa vào tỉ lệ bản đồ.

* *Phần 2: Trái Đất – Hành tinh của hệ Mặt Trời.*

- Trái Đất trong hệ Mặt Trời.

- Các chuyển động của Trái Đất và hệ quả.

* *Phần 3: Cấu tạo của Trái Đất. Vỏ Trái Đất.*

- Cấu tạo của Trái Đất. Các mảng kiến tạo.

- Quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh. Hiện tượng tạo núi.

- Núi lửa và động đất.

- Các dạng địa hình trên Trái Đất.

* *Phần 4: Khí hậu và biến đổi khí hậu.*

- Lớp vỏ khí của Trái Đất. Khí áp và gió.

- Nhiệt độ không khí, Mây và mưa.

- Thời tiết và khí hậu. Biến đổi khí hậu.

II. CẤU TRÚC ĐỀ THI:

- 50% trắc nghiệm + 50% tự luận.

III. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN TẬP

A. PHẦN LỊCH SỬ

Câu 1: Trình bày những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Trung quốc thời kì cổ đại đến thế kỉ VII.

Câu 2:

a, Em hãy nêu vị trí địa lí, sự thuận lợi và khó khăn của điều kiện tự nhiên, hoạt động kinh tế chính của Hy Lạp cổ đại và La Mã cổ đại.

b, Em hãy kể tên một số công trình kiến trúc tiêu biểu của Hy Lạp và La Mã cổ đại.

Câu 3:

a, Em hãy trình bày sự ra đời của nhà nước Văn Lang và Âu Lạc.

b, Em hãy kể tên một số truyện truyền thuyết xây ra ở thời kì Văn Lang và Âu Lạc.

B. PHẦN ĐỊA LÍ

Câu 1:

a. Trình bày đặc điểm của khoáng sản.

b. Hãy kể tên một vài vật dụng hàng ngày em thường sử dụng được làm từ khoáng sản?

Câu 2: So sánh những điểm giống và khác nhau giữa núi và đồi.

Câu 3: Đọc thông tin sau và trả lời các câu hỏi:

Trận động đất xảy ra lúc 12 giờ 54 phút 22 giây (giờ Hà Nội) trưa nay (18/4) ở tọa độ (14.713 độ vĩ Bắc, 108.468 độ kinh Đông), độ sâu chấn tiêu khoảng 8.1km, thuộc huyện Kon Plông (tỉnh Kon Tum). Trung tâm báo tin động đất và cảnh báo sóng thần - Viện Vật lý Địa cầu

vẫn đang tiếp tục theo dõi trận động đất này. Đây là trận động đất thứ 4 xảy ra hôm nay tại huyện Kon Plông và trận động đất thứ 17 trong ba ngày gần đây ở khu vực này.

(Trích nguồn: Báo Tiền Phong ngày 18/4/2022)

- a. Đoạn thông tin trên nói về thảm họa gì?
- b. Nêu nguyên nhân, hậu quả của thảm họa đó.

Câu 4. Cho bảng số liệu sau:

Nhiệt độ trung bình các tháng của trạm khí tượng A (đơn vị °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	25,8	26,7	27,9	28,9	28,3	27,5	27,1	27,1	26,8	26,7	26,4	25,7

- a. Tính nhiệt độ trung bình năm của trạm A.
- b. Trình bày cách sử dụng nhiệt kế

A. LÝ THUYẾT

HS ôn lại các kiến thức cơ bản của 5 bài:

Bài 1. Khái quát về nhà ở

Bài 2. Xây dựng nhà ở

Bài 3. Ngôi nhà thông minh

Bài 4. Thực phẩm và giá trị dinh dưỡng

Bài 5. Phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm

B. BÀI TẬP

I. Trắc nghiệm

Câu 1. Khu vực chức năng nào là nơi để gia chủ bày tỏ lòng thành kính với ông bà, tổ tiên và thần linh?

A. Khu vực sinh hoạt chung.

B. Khu vực thờ cúng.

C. Khu vực ăn uống.

D. Khu vực nghỉ ngơi.

Câu 2. Kiến trúc nhà ở nào đặc trưng cho các vùng dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên?

A. Nhà ba gian.

B. Nhà nôi.

C. Nhà chung cư.

D. Nhà sàn.

Câu 3. Bước chính giúp tạo ra không gian sống, tính thẩm mỹ cho mỗi ngôi nhà là gì?

A. Chuẩn bị vật liệu, kinh phí.

B. Thi công thô.

C. Thiết kế nhà.

D. Hoàn thiện.

Câu 4. Vật liệu nào sau đây không dùng để xây tường?

A. Cát

B. Gạch

C. Ngói

D. Xi măng

Câu 5. Trước khi có người về, nhiệt độ trong phòng giảm xuống cho đủ mát thuộc hệ thống nào trong ngôi nhà thông minh?

A. Hệ thống chiếu sáng thông minh

B. Hệ thống camera giám sát an ninh

C. Hệ thống kiểm soát nhiệt độ

D. Hệ thống giải trí thông minh

Câu 6. Ý nghĩa của việc lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời trên mái nhà là gì?

A. Tạo ra nguồn năng lượng chứa nhiều chất phóng xạ.

B. Tạo ra nguồn năng lượng thân thiện với môi trường tuy hơi đắt, không bền.

C. Tiết kiệm tiền điện phải trả nhưng năng lượng không an toàn.

D. Tạo ra nguồn năng lượng sạch, thân thiện với môi trường và tiết kiệm tiền điện.

Câu 7. Em hiểu thế nào là sử dụng năng lượng điện tiết kiệm và hiệu quả?

A. Sử dụng đúng lúc, sử dụng ít.

B. Sử dụng đúng chỗ, sử dụng ít.

C. Sử dụng ít năng lượng mà vẫn đảm bảo nhu cầu.

D. Sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, sử dụng ít năng lượng mà vẫn đảm bảo được nhu cầu.

Câu 8. Việc làm nào sau đây thể hiện việc ăn không đúng cách?

A. Nhai kỹ

B. Vừa ăn vừa xem tivi

C. Tập trung cho việc ăn uống

D. Ăn đa dạng các món

Câu 9. Trong các chất dinh dưỡng sau, chất nào không cung cấp năng lượng cho cơ thể?

A. Đường

B. Đạm

C. Chất khoáng

D. Chất béo

Câu 10. Nhóm thực phẩm cung cấp nhiều chất tinh bột đường là:

A. Thịt nạc, cá, tôm, trứng, sữa

B. Ngũ cốc, bánh mì, khoai tây, ngô

C. Mỡ động vật, dầu thực vật, bơ, vừng

D. Bắp cải, cà rốt, dưa chuột, nho

Câu 11. Nhóm thực phẩm **mỡ động vật, dầu thực vật, bơ** giàu chất gì?

A. Vitamin

B. Chất đạm

C. Chất béo

D. Chất khoáng

Câu 12. Loại chất khoáng nào sau đây tham gia vào quá trình cấu tạo và là thành phần của hồng cầu trong máu?

A. Sắt

B. Canxi

C. I ốt

D. Kẽm

Câu 13. Nhóm thực phẩm nào sau đây cung cấp nhiều chất đạm?

A. Thịt nạc, cá, tôm, trứng, sữa

B. Ngũ cốc, bánh mì, khoai, sắn

C. Mỡ động vật, dầu thực vật, bơ

D. Ớt chuông, cà rốt, cần tây

Câu 14. Vai trò chủ yếu của vitamin A là

A. giúp làm sáng mắt

B. kích thích ăn uống

C. tốt cho da

D. góp phần vào sự phát triển của hệ thần kinh

Câu 15. Gạo cung cấp chất thiết yếu nào nhiều nhất cho cơ thể?

A. Vitamin

B. Tinh bột

C. Chất đạm

D. Chất béo

Câu 16. Bệnh thiếu máu có thể là do cơ thể thiếu khoáng chất nào?

A. Kẽm

B. Sắt

C. Canxi

D. Iot

Câu 17. Thiếu chất dinh dưỡng nào sau đây gây khô mắt có thể dẫn tới mù lòa?

A. Vitamin K

B. Vitamin D

C. Vitamin A

D. Vitamin C

Câu 18. Đối với phương pháp làm lạnh, thực phẩm được bảo quản ở nhiệt độ nào?

A. -1°C

B. Trên 7°C

C. Từ 1°C đến 7°C

D. Dưới 0°C

Câu 19. Phương pháp làm lạnh có thể bảo quản thực phẩm trong thời gian bao lâu?

A. Trên 7 ngày

B. Vài tháng

C. Từ 3 đến 7 ngày

D. Vài tuần

Câu 20. Chất được sử dụng phổ biến trong phương pháp ướp là

A. Đường

B. Bột quế

C. Muối

D. Bột tỏi

Câu 21. Người ta tiến hành làm khô thực phẩm bằng cách nào?

A. Phơi dưới ánh nắng mặt trời

B. Cất trong tủ lạnh

C. Có thể phơi hoặc sử dụng máy sấy

D. Rang trên bếp than.

Câu 22. Phương pháp chế biến nào có ưu điểm là có độ giòn, độ ngọt?

A. Luộc

B. Kho

C. Nướng

D. Rán

Câu 23. Bảo quản thực phẩm là quá trình xử lý thực phẩm với mục đích gì?

A. Kéo dài thời gian sử dụng thực phẩm, nhưng không an toàn

B. Không đảm bảo dinh dưỡng dù vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm.

C. Kéo dài thời gian sử dụng mà vẫn đảm bảo chất dinh dưỡng, chất lượng của thực phẩm

D. Để thực phẩm lâu hơn dù không ngon nữa.

Câu 24. Phương pháp nào **không thuộc** phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt?

A. Luộc

B. Kho

C. Nướng

D. Trộn hỗn hợp

Câu 25. Lượng nước tối thiểu một ngày mỗi người cần uống là bao nhiêu?

A. 1,5 đến 2 lít

B. Trên 2 lít

C. Uống tùy thích

D. Dưới 1 lít

II. Tự luận

Câu 1: Nêu các công việc chính của bước thi công thô? Vai trò của bước thi công thô trong việc xây dựng nhà ở?

Câu 2: Kể tên 3 món ăn thuộc 3 nhóm chất khác nhau mà gia đình em thường dùng? Cho biết chúng thuộc nhóm chất nào? Vai trò của nhóm chất đó với cơ thể con người?

Câu 3: Gia đình em thường bảo quản thực phẩm bằng phương pháp nào? Hãy cho biết một số phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm được an toàn, vệ sinh?

I. Nội dung: Ôn nội dung kiến thức các chương:

1. Chương IV: Hỗn hợp. Tách chất ra khỏi hỗn hợp

- Hỗn hợp các chất.
- Tách chất khỏi hỗn hợp.

2. Chương V: Tế bào

- Tế bào. Đơn vị cơ bản của sự sống.
- Cấu tạo và chức năng các thành phần của tế bào.
- Sự lớn lên và sinh sản của tế bào

3. Chương VI: Từ tế bào đến cơ thể

- Cơ thể sinh vật.
- Tổ chức cơ thể đa bào.

4. Chương VII: Đa dạng thế giới sống

- Hệ thống phân loại sinh vật.
- Khóa lưỡng phân

II. Hình thức kiểm tra: 70% trắc nghiệm – 30% tự luận

III. Các câu hỏi tự luận

Câu 1.

a. Khai thác dầu mỏ dưới đáy biển thường thu được hỗn hợp dầu mỏ và nước biển. Người ta làm thế nào để tách dầu mỏ ra khỏi hỗn hợp?

b. Vào dịp tết, mẹ bạn An làm mứt dừa cho cả nhà ăn. Khi cả nhà thưởng thức, bố An thấy mứt ngọt quá nên không muốn ăn vì bố bạn đang trong chế độ kiêng đường. Bạn An rất muốn tách bớt đường ra khỏi mứt dừa đã làm để bố có thể ăn được. Theo em, có cách nào để tách bớt đường từ mứt dừa đã làm không?

Câu 2.

a. Có 3 tế bào của mô phân sinh ngọn trải qua 4 lần phân chia. Hỏi sau khi phân chia xong có bao nhiêu tế bào mới được tạo thành?

b. Có 1 tế bào da trải qua 6 lần phân chia. Hỏi sau khi phân chia xong có bao nhiêu tế bào mới được tạo thành?

Câu 3. Giải thích một số hiện tượng sau:

a. Trên một số bình nước khoáng thường có dòng chữ: "Nước khoáng tinh khiết". Theo em, ý nghĩa của dòng chữ này có hợp lí không? Tại sao?

b. Vì sao rau, củ, quả không nên bảo quản trong ngăn đá của tủ lạnh?

c. Hiện tượng mọc lại đuôi ở thằn lằn khi bị đứt.

Câu 4. So sánh sự giống và khác nhau của cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào?

Câu 5. Bằng mắt thường, chúng ta có thể dễ dàng nhìn thấy con ếch. Tuy nhiên, chúng ta chỉ có thể nhìn thấy con trùng amip dưới kính hiển vi. Điều này có liên quan gì đến số lượng tế bào cấu tạo nên cơ thể các con vật đó không?

Câu 6. Khi đốt cháy 1 lít xăng cần 2 150 lít oxygen và sinh ra 1 350 lít khí carbon dioxide. Một ô tô khi chạy một quãng đường dài 100 km tiêu thụ hết 9 lít xăng. Hãy tính thể tích không khí cần cung cấp để ô tô chạy được quãng đường dài 100 km và thể tích khí carbon dioxide đã sinh ra. Coi oxygen chiếm 1/5 thể tích không khí.

IV. Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm ôn tập để học sinh tham khảo luyện tập

Chọn đáp án đúng cho các câu hỏi sau:

Câu 1. Để phân biệt chất tinh khiết và hỗn hợp ta dựa vào

- A. Thể của chất. B. Mùi vị của chất. C. Tính chất của chất. D. Số chất tạo nên.

Câu 2. Chất nào là chất tinh khiết?

- A. Nước đường B. Nước muối C. Nước chanh D. Nước cất

Câu 3. Chất nào là hỗn hợp?

- A. Dây đồng B. Dây nhôm C. Nước biển D. Nước cất

Câu 4. Dung dịch là

- A. hỗn hợp không đồng nhất.
B. hỗn hợp không đồng nhất của chất rắn và chất lỏng.
C. chất tinh khiết.
D. hỗn hợp đồng nhất của chất tan và dung môi.

Câu 5. Nước chanh là

- A. dung dịch. B. chất tinh khiết. C. huyền phù. D. nhũ tương.

Câu 6. Cách hợp lí nhất để tách muối từ nước biển là

- A. Lọc B. chưng cất C. bay hơi D. lắng.

Câu 7. Tác dụng chủ yếu của việc đeo khẩu trang là tách

- A. khí oxygen ra khỏi không khí hít vào. B. khí carbondioxide ra khỏi không khí hít vào.
C. hơi nước ra khỏi không khí hít vào. D. khói bụi ra khỏi không khí hít vào.

Câu 8. Ở nông thôn, để tách thóc lép ra khỏi thóc, người dân thường đổ thóc rơi trước một cái quạt gió. Những hạt thóc lép sẽ bị gió thổi bay ra, đó là do thóc lép có

- A. kích thước hạt nhỏ hơn. B. tốc độ rơi nhỏ hơn.
C. khối lượng nhẹ hơn. D. lớp vỏ trấu dễ tróc hơn.

Câu 9. Phương pháp nào là đơn giản nhất để tách cát lẫn trong nước?

- A. Chiết. B. Dùng máy li tâm.
C. Cô cạn. D. Lọc.

Câu 10. Nếu không may làm đổ dầu ăn vào nước, ta dùng phương pháp nào để tách riêng dầu ăn ra khỏi nước?

- A. Dùng máy li tâm. B. Cô cạn.
C. Chiết. D. Lọc.

Câu 11. Tại sao nói: “Tế bào là đơn vị cơ bản của sự sống”?

- A. Vì tế bào rất nhỏ bé.
B. Vì tế bào có thể thực hiện đầy đủ các quá trình sống cơ bản.
C. Vì tế bào không có khả năng sinh sản.
D. Vì tế bào rất vững chắc.

Câu 12. Tại sao mỗi loại tế bào có hình dạng và kích thước khác nhau?

- A. Để phù hợp với chức năng của chúng. B. Để chúng không bị chết
C. Để các tế bào có thể bám vào nhau dễ dàng. D. Để tạo nên sự đa dạng của các loài sinh vật.

Câu 13. Vật nào có cấu tạo từ tế bào?

- A. Xe ô tô B. Cây cầu C. Cây bạch đàn D. Ngôi nhà

Câu 14. Tế bào không cấu tạo nên vật nào?

- A. Chiếc lá B. Bông hoa C. Con dao D. Con cá

Câu 15. Loại tế bào nào có thể quan sát bằng mắt thường?

- A. Tế bào trứng cá B. Tế bào vảy hành C. Tế bào mô giậu D. Tế bào vi khuẩn

Câu 16. Thành phần nào KHÔNG thuộc thành phần cấu tạo chính của tế bào?

- A. Màng tế bào B. Tế bào chất C. Thành tế bào D. Nhân/vùng nhân

Câu 17. Đặc điểm của tế bào nhân thực là có

- A. thành tế bào. B. chất tế bào.
C. lục lạp. D. màng nhân.

Câu 18. Thành phần nào không có ở tế bào nhân thực?

- A. Màng nhân B. Vùng nhân C. Chất tế bào D. Diệp lục

Câu 19. Thành phần nào không thuộc thành phần cấu tạo chính của tế bào?

- A. Thành tế bào B. Tế bào chất C. Màng tế bào D. Nhân/vùng nhân

Câu 20. Một tế bào mẹ sau khi phân chia (sinh sản) sẽ tạo ra bao nhiêu tế bào con ?

- A. 2 tế bào B. 1 tế bào C. 4 tế bào D. 8 tế bào

Câu 21. Sự lớn lên của tế bào có liên quan mật thiết đến quá trình nào?

- A. Sinh sản B. Trao đổi chất
C. Cảm ứng D. Trao đổi chất và cảm ứng

Câu 22. Sinh vật nào thuộc nhóm cơ thể đơn bào?

- A. Sư tử B. Hoa hồng C. Châu chấu D. Trùng roi

Câu 23. Sinh vật nào thuộc nhóm cơ thể đa bào?

- A. Tảo tiểu cầu B. Tảo silic C. Con cáo D. trùng đế dày

Câu 24. Loại sinh vật đơn bào nào có thể quan sát được bằng mắt thường?

- A. Tảo lục B. Trùng roi C. Vi khuẩn lam D. Tảo bong bóng

Câu 25. Sắp xếp theo thứ tự các cấp độ tổ chức cơ thể từ thấp đến cao?

- A. Tế bào, mô, cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể. B. Tế bào, mô, hệ cơ quan, cơ quan, cơ thể.
C. Tế bào, cơ quan, mô, hệ cơ quan, cơ thể. D. Tế bào, cơ quan, hệ cơ quan, mô, cơ thể.

Câu 26. Con cá vàng là cấp độ tổ chức nào của cơ thể đa bào?

- A. Tế bào B. Cơ thể C. Cơ quan D. Mô

Câu 27. Tập hợp các mô thực hiện cùng một chức năng là

- A. tế bào B. mô C. cơ quan D. hệ cơ quan

Câu 28. Cơ quan nào thuộc hệ thần kinh ở người?

- A. Tim B. Phổi C. Não D. Dạ dày

Câu 29. Hệ cơ quan ở thực vật bao gồm

- A. hệ rễ và hệ thân B. hệ thân và hệ lá
C. hệ chồi và hệ rễ D. hệ cơ và hệ thân

Câu 30. Các bậc phân loại sinh vật từ thấp đến cao theo trình tự nào?

- A. Loài → Chi (giống) → Họ → Bộ → Lớp → Ngành → Giới
B. Chi (giống) → Loài → Họ → Bộ → Lớp → Ngành → Giới
C. Giới → Ngành → Lớp → Bộ → Họ → Chi (giống) → Loài
D. Loài → Chi (giống) → Bộ → Họ → Lớp → Ngành → Giới

A. NỘI DUNG ÔN TẬP

Chủ đề 2: Mạng máy tính và Internet

Bài 4: Mạng máy tính

Bài 5: Internet

Chủ đề 3: Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin

Bài 6: Mạng thông tin toàn cầu

Bài 7: Tìm kiếm thông tin trên Internet

Bài 8: Thư điện tử

B. CẤU TRÚC ĐỀ THI:

50% trắc nghiệm (gồm 20 câu) và 50% tự luận

C. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN TẬP

I. Trắc nghiệm

Câu 1: Một mạng máy tính gồm

- A. tối thiểu năm máy tính được liên kết với nhau.
- B. một số máy tính bàn.
- C. hai hoặc nhiều máy tính được kết nối với nhau.
- D. tất cả các máy tính trong một phòng hoặc trong một nhà.

Câu 2: Mạng máy tính không cho phép người sử dụng chia sẻ gì?

- A. Máy in
- B. Bàn phím và chuột
- C. Máy quét
- D. Dữ liệu

Câu 3: Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Trong một mạng máy tính, các tài nguyên như máy in có thể được chia sẻ.
- B. Virus có thể lây lan sang các máy tính khác trong mạng máy tính
- C. Người sử dụng có thể giao tiếp với nhau trên mạng máy tính
- D. Người sử dụng không thể chia sẻ dữ liệu trên máy tính của mình cho người khác trong cùng một mạng máy tính

Câu 4: Thiết bị nào sau đây không phải thiết bị đầu cuối?

- A. Máy tính
- B. Máy in
- C. Bộ định tuyến
- D. Máy quét

Câu 5: Phát biểu nào sau đây sai

- A. Mạng có dây kết nối các máy tính về dây dẫn mạng
- B. Mạng không dây có thể kết nối ở mọi địa hình
- C. Mạng không dây không chỉ kết nối các máy tính mà còn cho phép kết nối các thiết bị thông minh khác như điện thoại di động, ti vi, tủ lạnh,...
- D. Mạng có dây dễ sửa và lắp đặt hơn mạng không dây vì có thể nhìn thấy dây dẫn

Câu 6: Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Internet là mạng truyền hình kết nối các thiết bị nghe nhìn trong phạm vi một quốc gia
- B. Internet là một mạng các máy tính liên kết với nhau trên toàn cầu
- C. Internet chỉ là mạng kết nối các trang thông tin trên phạm vi toàn cầu
- D. Internet là mạng kết nối các các thiết bị có sử dụng chung nguồn điện.

Câu 7: Phát biểu nào sau đây không phải là đặc điểm của Internet?

- A. Phạm vi hoạt động toàn cầu
- B. Có nhiều dịch vụ đa dạng
- C. Không thuộc quyền sở hữu của ai
- D. Thông tin chính xác tuyệt đối

Câu 8: Phát biểu nào sau đây không phải là lợi ích của việc sử dụng Internet đối với học sinh?

- A. Giúp tiết kiệm thời gian và cung cấp nhiều tư liệu làm bài tập dự án
- B. Giúp nâng cao kiến thức bằng cách tham gia các khóa học trực tuyến
- C. Giúp giải trí bằng cách xem mạng xã hội và chơi điện tử suốt cả ngày
- D. Giúp mở rộng giao lưu kết bạn với các bạn ở nước ngoài.

Câu 9: Khi sử dụng các loại thông tin trên mạng cần lưu ý vấn đề là

- A. Các từ khóa liên quan đến thông tin cần tìm
- B. Các từ khóa liên quan đến web
- C. Địa chỉ của trang web

D. Bản quyền

Câu 10: Website là gì?

- A. Một hoặc nhiều trang web liên quan tổ chức dưới nhiều địa chỉ truy cập
- B. Gồm nhiều trang web
- C. <http://www.edu.net.vn>
- D. Một hoặc nhiều trang web liên quan tổ chức dưới một địa chỉ truy cập chung.

Câu 11: Trình duyệt web là

- A. chương trình soạn thảo văn bản
- B. là phần mềm giúp người dùng truy cập vào các trang web trên internet
- C. trình thiết kế web
- D. trình soạn thảo web

Câu 12: Word Wide Web là gì?

- A. Một trò chơi máy tính
- B. Một phần mềm máy tính
- C. Một hệ thống các website trên internet cho phép người sử dụng xem và chia sẻ thông tin qua các trang web được liên kết với nhau
- D. Tên khác của Internet

Câu 13: Mỗi website bắt buộc phải có

- A. Tên cá nhân hoặc tổ chức sở hữu
- B. Địa chỉ trụ sở của đơn vị sở hữu
- C. Một địa chỉ truy cập
- D. Địa chỉ thư viện.

Câu 14: Phần mềm giúp người sử dụng truy cập các trang web trên Internet gọi là gì?

- A. Trình duyệt web
- B. Địa chỉ web
- C. Website
- D. Công cụ tìm kiếm.

Câu 15: Trong các tên sau đây, tên nào không phải tên của trình duyệt web?

- A. Internet Explorer
- B. Mozilla Firefox
- C. Google Chrome
- D. Window Explorer

Câu 16: Địa chỉ trang web nào sau đây hợp lệ?

- A. <https://www.tienphong.vn>
- B. WWW\www.tienphong.vn
- C. <https://haiha002@gmail.com>
- D. [https //:www.tienphong.vn](https://www.tienphong.vn)

Câu 17: Nút  trên trình duyệt web có nghĩa là

- A. xem lại trang hiện tại
- B. quay về trang liền trước
- C. đi đến trang liền sau
- D. quay về trang chủ.

Câu 18: Cách nhanh nhất để tìm thông tin trên WWW mà không biết địa chỉ là

- A. hỏi địa chỉ người khác rồi ghi ra giấy, sau đó nhập địa chỉ vào thanh địa chỉ
- B. nhờ người khác tìm hộ
- C. di chuyển lần theo đường liên kết của các trang web
- D. sử dụng máy tìm kiếm để tìm kiếm với từ khóa.

Câu 19: Máy tìm kiếm là gì?

- A. Một chương trình bảo vệ máy tính khỏi virus
- B. Một chương trình sắp xếp dữ liệu trên máy tính của bạn
- C. Một động cơ cung cấp sức mạnh cho Internet
- D. Một website đặc biệt hỗ trợ người sử dụng tìm kiếm thông tin trên Internet.

Câu 20: Từ khóa là gì?

- A. Là từ mô tả chiếc chìa khóa
- B. Là một từ hoặc cụm từ liên quan đến nội dung cần tìm kiếm do người sử dụng cung cấp
- C. Là tập hợp các từ mà máy tìm kiếm quy định từ trước
- D. Là một biểu tượng trong máy tìm kiếm.

Câu 21: Tên nào sau đây là tên của máy tìm kiếm?

- A. Google
- B. Word
- C. Windows Explorer
- D. Excel

Câu 22: Để tìm kiếm thông tin về virus Corona, em sử dụng từ khóa nào sau đây để thu hẹp phạm vi tìm kiếm?

- A. Corona
- B. Virus Corona

C. “Virus Corona”

D. “Virus”+”Corona”

Câu 23: Em cần biết thông tin gì của người mà em muốn gửi thư điện tử cho họ?

A. Địa chỉ nơi ở

C. Loại máy tính đang dùng

B. Mật khẩu thư

D. Địa chỉ thư điện tử.

Câu 24: Đặc điểm nào sau đây không phải ưu điểm của thư điện tử?

A. Gửi và nhận thư nhanh chóng

B. Ít tốn kém

C. Có thể gửi và nhận thư mà không gặp phiền phức gì

D. Có thể gửi kèm tệp

Câu 25: Địa chỉ thư điện tử có dạng là gì?

A. Tên đăng nhập @ địa chỉ máy chủ thư điện tử

B. Tên đường phố @ Viết tắt của tên quốc gia

C. Tên người sử dụng & Tên máy chủ của thư điện tử

D. Tên đường phố # Viết tắt của tên quốc gia

Câu 26: Địa chỉ thư điện tử bắt buộc phải có ký hiệu nào?

A. \$

C. @

B. &

D. #

Câu 27: Địa chỉ nào sau đây là thư điện tử?

A. www.nxbgd.vn

B. thcsthanham@gmail.com

C. thcsthanham.edu.vn

D. hoa675439@gf@gmail.com

Câu 28: Khi đăng ký thành công một tài khoản thư điện tử, em cần nhớ gì để có thể đăng nhập vào lần sau?

A. Tên đăng nhập và mật khẩu

B. Tên nhà cung cấp dịch vụ Internet

C. Ngày tháng năm sinh đã khai báo

D. Địa chỉ thư của những người bạn.

Câu 29: Khi đặt mật khẩu cho thư điện tử của mình, em nên đặt mật khẩu như thế nào để đảm bảo tính bảo mật?

A. Mật khẩu là dãy số từ 0 đến 9

B. Mật khẩu có ít nhất 8 ký tự gồm chữ cái, chữ số và ký tự đặc biệt

C. Mật khẩu là ngày sinh của mình

D. Mật khẩu giống tên địa chỉ thư.

Câu 30: Với thư điện tử, phát biểu nào sau đây là sai?

A. Một người có thể gửi thư cho chính mình ở cùng địa chỉ thư điện tử

B. Tệp tin đính kèm thư có thể chứa virus, vậy nên cần kiểm tra độ tin cậy trước khi tải về

C. Hai người có thể có địa chỉ thư điện tử giống hệt nhau

D. Có thể gửi một thư cho nhiều người cùng lúc.

II. Phần tự luận:

Bài 1: Internet là gì? Lợi ích của Internet?

Bài 2: Tại sao phải lựa chọn từ khóa tìm kiếm phù hợp?

Bài 3: Nêu hiểu biết của em về thư điện tử

Bài 4: Ưu và nhược điểm của dịch vụ thư điện tử

I. Ôn tập bài hát:

- Bài hát *Em yêu giờ học âm nhạc*
- Bài hát: *Lí cây đa*
- Bài hát *Bụi phấn*
- Bài hát: *Tình bạn bốn phương*

II. Ôn tập: tập đọc nhạc.

- Bài đọc nhạc số 1.
- Bài đọc nhạc số 2.
- Bài đọc nhạc số 3.
- Bài đọc nhạc số 4.

I. Nội dung bài học

1. Tranh in hoa lá.
2. Túi giấy tặng quà.

II. Yêu cầu cần đạt

HS được củng cố về các kiến thức: hs biết in tranh hoa lá và làm túi giấy.

III. Hướng dẫn ôn tập

1. Lí thuyết:

- Cách in hoa lá?
- Cách làm túi giấy?

2. Thực hành:

- Tranh in hoa lá:
 - + Hình thức: in ấn
 - + Bố cục: hợp lí, hài hòa.
 - + Hình vẽ: đẹp, tương đối giống.
 - + Màu sắc: hài hòa màu sắc giữa các hình ảnh với nền
 - + Thể hiện sáng tạo, có tính thẩm mỹ
- Túi giấy:
 - + Hình thức: tạo hình túi giấy
 - + Bố cục: có mảng chính phụ
 - + Hình vẽ: đẹp mắt, có họa tiết trông đồng.
 - + Màu sắc: tươi sáng, hài hòa màu sắc giữa các hình ảnh với nền
 - + Thể hiện sáng tạo, có tính thẩm mỹ

3. Yêu cầu thực hành

Thực hành giấy hoặc mô hình.

TRƯỜNG THCS THANH AM

NĂM HỌC 2023 - 2024

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

Môn: Giáo dục thể chất

KHỐI 6

I. Nội dung ôn tập.

- Chủ đề: Chạy cự li trung bình

II. Yêu cầu.

- Học sinh biết cách phối hợp các giai đoạn chạy cự li trung bình và hoàn thành cự li
(Nữ: 200 m; Nam: 250 m)

BAN GIÁM HIỆU

Lê Thị Ngọc Anh